Biểu 04/CH

KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2023 CỦA HUYỆN NGHĨA HÀNH (BỔ SUNG)

(Kèm theo Quyết định số 1202 /QĐ-UBND ngày 01 /11/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính												
				Thị trấn Chợ chùa	Xã Hành Thuận	Xã Hành Dũng	Xã Hành Trung	Xã Hành Nhân	Xã Hành Đức	Xã Hành Minh	Xã Hành Phước	Xã Hành Thiện	Xã Hành Thịnh	Xã Hành Tín Tây	Xã Hành Tín Đông
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+…+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	***Đất nông nghiệp***	***NNP***													
	Trong đó														
1.1	Đất trồng lúa	LUA													
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*													
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK													
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN													
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH													
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD													
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX													
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*													
1.7	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS													
1.8	Đất làm muối	LMU													
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH													
2	***Đất phi nông nghiệp***	***PNN***	***0,04***	***0,01***										***0,03***	
	Trong đó:														
2.1	Đất quốc phòng	CQP													
2.2	Đất an ninh	CAN													
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK													
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN													
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD													
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC													
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS													
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX													
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp	DHT	0,01	0,01											
	Trong đó														
	Đất giao thông	*DGT*													
	Đất thủy lợi	*DTL*	0,01	0,01											
	Đất cơ sở văn hóa	*DVH*													
	Đất xây dựng cơ sở y tế	*DYT*													
	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	*DGD*													
	Đất cơ sở thể dục - thể thao	*DTT*													
	Đất công trình năng lượng	*DNL*													
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	*DBV*													
	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	*DKG*													
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	*DDT*													
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	*DRA*													
	Đất cơ sở tôn giáo	*TON*													
	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà	*NTD*													
	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	*DKH*													
	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	*DXH*													
	Đất chợ	*DCH*													
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL													
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH													
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV													
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT													
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT													
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC												0,03	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS													
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG													
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN													
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON													
2.2	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC													
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK													